

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 44/2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính về việc Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/12/2017 và thay thế Quyết định số 335/QĐHC-CTUBND ngày 09/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- Tổng Giám đốc NHCSXH;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo tỉnh;
- Phongkiemtravanban2012@gmail.com;
- Lưu: HC, VX, TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hùng

TỈNH SÓC TRĂNG**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc****QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2017/QĐ-UBND ngày 15/12/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh như: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn (nếu có); hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; một số đối tượng khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp, đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương thay đổi so với quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quy định cụ thể.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

1. Mức cho vay tối đa: thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Thời hạn vay: theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

3. Lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn: thực hiện theo quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

4. Quy trình, thủ tục cho vay: thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

5. Bảo đảm tiền vay: thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ;

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không

đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được, số tiền trích 15% được xem là 100% và phân phối theo các khoản chi cụ thể như sau:

- Sử dụng 30% (được xem là 100%) và phân phối cho các đơn vị liên quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư 9%, Ngân hàng Nhà nước tỉnh 9%, Sở Lao động Thương binh và Xã hội 9%, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 9%, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 9%, Ban Dân tộc tỉnh 9%, Hội Nông dân tỉnh 9%, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 9%, Hội Cựu chiến binh tỉnh 9%, Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh tỉnh 9%, Sở Tài chính 10%.

- Sử dụng 70% chi khen thưởng Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH hàng năm.

- Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại khoản 1, điều này do Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính – Kế hoạch và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao NHCSXH cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện: định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, đề xuất với UBND cấp huyện:

a) Tham mưu UBND xem xét, thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu với Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại Khoản 1, Điều 9 Quy chế này.

đ) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 31/01 của năm sau.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

5. UBND xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của người vay

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

d) Tham gia sinh hoạt tổ hàng tháng theo Quy ước hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

đ) Lưu giữ biên lai thu lãi, Sổ vay vốn và các giấy tờ liên quan khác theo quy định.

Điều 14. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hùng